TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TU MƠ RÔNG** **TỈNH KON TUM** Số:02/2018/QĐST-DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tu Mơ Rông, ngày 20 tháng 4 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2017/TLST-DS về việc *"Đòi nợ tiền"* ngày 18 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị L;

Địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc: thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K;

- *Bị đơn:* Chị Ly Y L, sinh năm 1983;

Địa chỉ nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh K;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ: Theo đơn yêu cầu khởi kiện ngày 09/12/2017 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 14.798.000 (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng). Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu bị đơn trả số tiền còn nợ là 14.000.000đ (Bằng chữ: mười bốn triệu đồng).

Bi đơn chị Ly Y L cũng công nhận còn nợ anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị L số tiền: 14.000.000đ (Bằng chữ: mười bốn triệu đồng).

Về hình thức và thời gian trả nợ các bên thỏa thuận như sau:

Chị Ly Y L sẽ trả cho anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị L số tiền 14.000.000đ (Bằng chữ: mười bốn triệu đồng) kể từ ngày 12/4/2018.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; kể từ ngày anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị L (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, chị Ly Y L *(bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6, Điểm b, khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị L nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 350.000đ (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị L số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện là 20.000đ (Bằng chữ: Hai mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2010/0004281 ngày 11/12/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tu Mơ Rông;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Chi cục THA huyện Tu Mơ Rông;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Hành